

ÔN TẬP GIỮA KỶ

# ÔN TẬP GIỮA KỲ I

## I. Phần văn học:

ST T	Tên văn bản	Tên tác giả	Năm sáng tác	Thể loại	Nội dung chủ yếu	Nghệ thuật đặc sắc
1	Tôi đi học	Thanh Tịnh	1941	Truyện ngắn	Những kỉ niệm trong sáng về ngày đầu tiên được đến trường	Tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm; Những hình ảnh mới mẻ và gợi cảm.
2	Trong lòng mẹ (Trích: Những ngày thơ ấu)	Nguyễn Hồng	1938	Hồi kí	Nỗi cay đắng, tủi cực và tình thương yêu mẹ mãnh liệt của bé Hồng.	Văn hồi kí chân thực, trữ tình thiết tha; sử dụng những hình ảnh so sánh, liên tưởng táo bạo.
3	Tức nước vỡ bờ (Trích: Tắt đèn)	Ngô Tất Tố	1939	Tiểu thuyết	Phê phán chế độ tàn ác, bất nhân và ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn, sức sống tiềm tàng của chị Dậu – Người phụ nữ nông dân Việt Nam.	Khắc họa nhân vật và miêu tả hiện thực một cách chân thực, sinh động.
4	Lão Hạc (Trích: Lão Hạc)	Nam Cao	1943	Truyện ngắn	Số phận bi thảm của người nông dân cùng khổ và nhân phẩm cao đẹp của họ.	Nhân vật được đào sâu tâm lí, cách kể chuyện tự nhiên, linh hoạt, chân thực, đậm chất triết lí và trữ tình.

## II. Phần tiếng việt:

	KHÁI NIỆM	VÍ DỤ
<b>1. Cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ:</b>	Từ có phạm vi nghĩa khái quát không giống nhau, không đồng đều (từ nghĩa rộng, từ nghĩa hẹp)	<b>Giáo dục:</b> + Thầy giáo: Thầy giáo dạy Toán, Thầy giáo dạy Văn... + Học sinh: Học sinh giỏi, HS yếu...
<b>2. Trường từ vựng:</b>	Là tập hợp của những từ có ít nhất một nét chung về nghĩa.	<b>Y phục:</b> quần áo, giày dép, mũ nón...
<b>3. Từ tượng hình, từ tượng thanh:</b>	- Từ tượng hình: là từ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái của sự vật. - Từ tượng thanh: là từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên, của con người.	<b>Từ tượng hình:</b> <i>Lò dò, lênh khênh...</i> <b>Từ tượng thanh:</b> <i>Loẹt quẹt, xào xạc, rì rào...</i>
<b>4. Từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội:</b>	- Từ địa phương: là từ ngữ chỉ sử dụng ở một số địa phương nhất định. - Biệt ngữ xã hội: chỉ được dùng trong một tầng lớp xã hội nhất định.	<b>Từ địa phương:</b> tui (tôi) <b>Biệt ngữ xã hội:</b> ngỗng (số hai)

<p><b>5. Trợ từ, thán từ:</b></p>	<p>- Là những từ chuyên đi kèm một từ ngữ trong câu để nhấn mạnh hoặc biểu thị thái độ đánh giá sự vật, sự việc được nói đến ở từ ngữ đó.</p> <p>- Những từ dùng để bộc lộ cảm xúc, tình cảm của người nói, người viết được gọi là thán từ. Thán từ có hai loại là thán từ bộc lộ tình cảm (ôi, than ôi!, trời ơi,...) và thán từ gọi đáp (ơi, vâng, ạ...). Thán từ thường được đặt ở đầu câu, đôi khi được tách ra thành câu đặt biệt.</p>	<p>- An <b><u>có đến</u></b> ba giải thưởng trong kỳ thi học sinh giỏi vừa rồi.</p> <p>- <b>Than ôi!</b> Thời oanh liệt nay còn đâu” à thán từ “than ôi” bộc lộ cảm xúc, được đặt thành câu đặt biệt.</p>
<p><b>6. Tình thái từ:</b></p>	<p>Những từ được bổ sung vào trong câu để thể hiện sắc thái tình cảm trong câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán thì được gọi là <b>tình thái từ</b>. Tình thái từ được chia làm 04 loại tương ứng với các chức năng như sau: Tình thái từ nghi vấn (ư, hử..); câu khiến (nào...); cảm thán (sao..); biểu thị tình cảm, cảm xúc (lắm, nhé...)</p>	<p>- Anh không đến lớp <b><u>sao?</u></b></p> <p>- Chúng ta đi thôi <b><u>nào!</u></b></p> <p>- Con bé tội nghiệp <b>làm sao!</b></p> <p>- Mình thích món quà ấy <b>lắm!</b></p>

<p><b>7. Nói quá:</b></p>	<p>Là biện pháp tu từ phóng đại qui mô, tính chất của sự vật, hiện tượng được miêu tả để nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm.</p>	<p><b>Bạn ấy chạy nhanh như cắt</b></p>
<p><b>8. Nói giảm, nói tránh:</b></p>	<p>Khi giao tiếp, trong một số trường hợp đặc biệt, người nói, người viết cần diễn đạt một cách tế nhị để tránh gây cảm giác đau buồn, nặng nề, thiếu lịch sử hoặc nhằm một ngụ ý nào khác, khi đó, người nói, người viết cần sử dụng biện pháp tu từ: nói giảm nói tránh.</p>	<p>Thay vì chê bai người khác bằng câu: <b>Cậu ấy học rất tệ</b>, chúng ta nên sử dụng câu: <b>Cậu ấy không học giỏi lắm.</b></p>
<p><b>9. Câu ghép:</b></p>	<p>Là những câu do hai hoặc nhiều cụm C-V không bao chứa nhau tạo thành. Mỗi cụm C-V này được gọi là một vế câu. Quan hệ ý nghĩa giữa các vế trong câu ghép: Quan hệ nguyên nhân, điều kiện (giả thiết), tương phản, tăng tiến, lựa chọn, bổ sung, nối tiếp, đồng thời, giải thích.</p>	<p><b>- Nếu gió thổi thì mây bay.</b></p> <p><b>- Tôi nói xong, anh ấy quay đi lạng lẽ</b></p> <p><b>-</b></p>

### III. Phần tập làm văn:

**Vì sao một văn bản cần có tính thống nhất? Tính thống nhất của văn bản thể hiện ở**

- Văn bản cần phải có sự thống nhất vì nếu không có sự thống nhất văn bản sẽ bị phân tán, không tập trung vào được vấn đề chính hoặc lạc sang vấn đề khác trong khi triển khai văn bản.

- Tính thống nhất của văn bản được thể hiện ở các mặt sau:

Về nội dung: Các ý trong văn bản phải thống nhất trong một chủ đề.

Về hình thức: Các câu trong một đoạn, các đoạn trong văn bản phải có sự liên kết chặt chẽ qua các từ nối, quan hệ từ, từ chuyển tiếp. Nếu là văn bản hành chính thì phải đảm bảo các thể thức của loại văn bản hành chính đó.

**Vì sao cần phải tóm tắt văn bản tự sự? Muốn tóm tắt văn bản tự sự thì phải làm như thế nào? Dựa vào gì?**

- Chúng ta cần tóm tắt văn bản tự sự vì:
  - + Để lưu giữ và ghi nhớ nội dung chính.
  - + Để giới thiệu ngắn gọn văn bản đó cho người khác biết.
  - + Để trích dẫn trong những trường hợp cần thiết.
- Muốn tóm tắt văn bản tự sự, cần phải theo đúng trình tự sau:
  - + Đọc kĩ để hiểu đúng chủ đề văn bản.
  - + Xác định nội dung chính.
  - + Sắp xếp nội dung theo một trình tự hợp lí.

**Tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm có tác dụng như thế nào?**

- Việc viết văn bản tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm giúp:
- Việc kể chuyện sinh động và sâu sắc hơn, nổi bật tính cách nhân vật.
- Thể hiện được thái độ, tình cảm của người kể.

**Khi viết (nói) đoạn văn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm cần chú ý những vấn đề gì?**

Khi viết (nói) đoạn văn tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm cần chú ý:

- Phải tùy vào nội dung, mục đích và tính chất của văn bản
- Yếu tố tự sự là chính.
- Yếu tố miêu tả, biểu cảm chỉ là phụ. Không nên lạm dụng.

**MỘT SỐ DÀN Ý THAM KHẢO**

# 1. Kể lại những kỉ niệm ngày đầu tiên đi học

## 1. Mở bài

- Giới thiệu vấn đề định kể: Ngày đầu tiên đi học

## 2. Thân bài

### a. Tâm trạng của em khi chuẩn bị đến trường

- Soạn sửa sách vở, quần áo tươm tất chu đáo đợi ngày được đến trường.
- Vui vẻ, háo hức vì sắp được gặp lại bạn bè, thầy cô.
- Suy tư, băn khoăn không biết trong những tháng qua các bạn đã làm gì và thay đổi như thế nào.

### b. Kể về ngày đến trường

- Sáng hôm đó dậy sớm để ăn uống và chuẩn bị đến trường.
  - Ngạc nhiên trước sự thay đổi của mọi người và cảnh vật: các bạn ai cũng vui tươi và trông lớn hơn hẳn sau một mùa hè. Cây phượng đã rụng hết những bông hoa đỏ của đợt chớm hè...
  - Lớp học thơm tho mùi của bàn ghế mới, sách vở mới và những bộ quần áo mới.
  - Cô giáo luôn tươi cười và tận tình giảng dạy.
- Ngày đầu tiên đi học thật vui tươi, hứng khởi.

## 3. Kết bài

- Nêu cảm xúc về ngày đầu tiên đi học.

## 2. Kể về một việc em đã làm khiến bố mẹ vui lòng

### 1. Mở bài

Giới thiệu thời gian, không gian bắt đầu câu chuyện.

- Mẹ đi vắng, giao việc nhà.
- Bạn đến rủ đi chơi.

### 2. Thân bài

#### *a. Tâm trạng của em trước lời mời mọc*

- Vui mừng, háo hức muốn đi ngay với bạn vì đây là cuộc đi chơi rất lí thú, có nhiều bạn tham gia.
- Lo lắng vì công việc nhà làm chưa xong, đồ đạc còn bừa bộn.
- Đắn đo cân nhắc có nên đi hay không? Vì nếu đi việc nhà còn lại mẹ sẽ về làm (mẹ đã cực nhọc, lại mệt mỏi làm kiếm tiền nuôi em).
- Không đi chơi thì bỏ lỡ cơ hội vui chơi thỏa thích cùng bạn bè (miêu tả cảnh vui chơi).
- Quyết định ở nhà dọn dẹp nhà cửa, trả lời với bạn là không đi.
- Nhìn bạn giận dỗi ra về mà lòng tiếc rẻ nhưng quyết định vẫn không đi.

#### *b. Tâm trạng sau khi làm xong công việc*

- Nhà cửa sạch sẽ, thơm mát.
- Nhìn ngôi nhà gọn gàng, ngăn nắp, lòng vui sướng, phấn khởi.
- Sung sướng vì mình đã chiến thắng bản thân.
- Cha mẹ rất tự hào về em.

**3. Kết bài:** Nêu suy nghĩ và cảm nghĩ của bản thân.

### **3. Kỷ niệm đẹp nhất của em về tình bạn tuổi học trò.**

#### **1. Mở bài:**

- . Giới thiệu người bạn của mình là ai? Kỷ niệm khiến mình xúc động là kỉ niệm gì? (nêu một cách khái quát).

#### **2. Thân bài:**

- . Tập trung kể về kỉ niệm xúc động ấy.
- . Nó xảy ra ở đâu, lúc nào (thời gian, hoàn cảnh...) với ai (nhân vật).
- . Chuyện xảy ra như thế nào? (mở đầu, diễn biến, kết quả).
- . Điều gì khiến em xúc động? Xúc động như thế nào (miêu tả các biểu hiện của sự xúc động).

#### **3. Kết bài:**

Em có suy nghĩ gì về kỉ niệm đó.

# HƯỚNG DẪN TỰ HỌC

- Ôn tập kiến thức đã học.
- Chuẩn bị cho kì thi giữa kì 1

**CHÚC CÁC EM LÀM BÀI  
TỐT TRONG KỲ THI GIỮA  
KỲ 1**